

Bản án số: 504/2021/HSPT

Ngày: 20/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 549/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2021/QĐXXPT-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021.

Bị cáo: Nguyễn Văn H, tên gọi khác: L; sinh ngày 02 tháng 9 năm 2000 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 06/4/2021 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 18 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2019, Nguyễn Văn H được một nam thanh niên tên H1, trú tại thành phố H1 Nội thuê làm cho vay tiền với lãi suất cao tại địa bàn tỉnh Quảng Bình, mức lương 6.000.000 đồng/tháng. Để tìm người vay, H1 chỉ đạo H làm nhiều tờ rơi với nội dung “cho vay trả góp”, có số điện thoại 0773376747 sau đó rải tờ rơi tại các ngã ba, ngã tư, khu vực đông dân cư trên địa bàn các huyện L, Q, B và thành phố Đ. Khi có người cần vay tiền liên lạc, H đưa ra các thủ tục đơn giản chỉ cần phô tô sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, xác định chỗ ở của người vay, số điện thoại liên lạc là đủ điều kiện được vay.

H được H1 trực tiếp cung cấp tiền để thực hiện việc cho vay. H tự đưa ra các quy định về mức gói vay, số tiền tối đa là 10.000.000 đồng, tối thiểu là 3.000.000 đồng, đối tượng cho vay là phụ nữ. H quy định người vay phải trả phí hồ sơ, xăng xe (phí dịch vụ). Thời hạn trả góp của mỗi gói vay giao động từ 24 đến 32 ngày nhưng khi người vay trả tiền góp đều đặn và được khoảng 2/3 gói vay thì có thể cho đáo hạn gói vay mới và phải trả hết số tiền còn lại của gói vay cũ. Quá trình cho vay, H tự xưng tên L, sau khi thỏa thuận giao dịch H trực tiếp là người đưa tiền cho người vay. Hàng ngày, H chủ động liên lạc để hẹn thời gian, địa điểm và đến trực tiếp thu tiền trả góp, sau đó đưa tiền về cho H1.

Đến khoảng tháng 02/2020, H không làm cho H1 nữa mà chuyển sang làm cho vay lãi suất cao cho một nam thanh niên tên H2 trú tại thành phố H1 Nội. Cách thức, thủ tục cho vay được H thực hiện tương tự như thời điểm làm cho H1. Quá trình cho vay H được H2 cung cấp tiền bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng với số tiền 87.000.000 đồng, ngoài ra H2 còn trực tiếp đưa tiền mặt cho H nhưng số tiền cụ thể H không nhớ. Hàng ngày, H chủ động liên lạc để hẹn thời gian, địa điểm và đến trực tiếp thu tiền trả góp hoặc người vay có thể chuyển tiền trả góp thông qua tài khoản 0311000739397 (ngân hàng Vietcombank) hoặc số tài khoản 6600191918888 (Ngân hàng quân đội) của H. Tiền sau khi thu được H trực tiếp đưa cho H2. Đến tháng 7/2020, H2 đi đâu làm gì không rõ và không làm cho vay nữa. H tiếp tục đi thu tiền còn lại của những người vay được số tiền khoảng 10.000.000 đồng cộng thêm 20.000.000 đồng tiền của cá nhân, H tiếp tục cho vay tại địa bàn tỉnh Quảng Bình với cách thức tương tự như trên cho đến ngày bị phát hiện.

- Từ tháng 5/2019 đến tháng 01/2021, Nguyễn Văn H đã trực tiếp cho 18 người vay tiền với 79 gói vay, tổng số tiền cho vay là 656.000.000 đồng, mức lãi suất từ 304%/năm đến 365%/năm, cao gấp 15,2 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền H đã thu từ các người vay là 749.100.000 đồng, trong đó tiền lãi là 135.929.914 đồng (tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là

8.314.521 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 127.615.393 đồng) và tổng số tiền phí dịch vụ H thu của người vay là 64.700.000 đồng. Cụ thể:

1. Chị Đoàn Thị Linh G, sinh năm 1971, trú tại tp Đ, từ đầu tháng 02/2020 đến đầu tháng 06/2020 đã vay của Nguyễn Văn H 07 gói, số tiền mỗi gói là 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày, tương ứng lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng phí dịch vụ H thu 7.000.000 đồng (mỗi gói 1.000.000 đồng). Chị G đã thanh toán 07 gói (gói thứ 7 chưa trả 19 ngày, trong đó tiền gốc chưa trả 7.916.673 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 74.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 62.083.383 đồng, tiền lãi là $(24 \text{ ngày} \times 500.000 \text{ đồng} = 10.000.000 \text{ đồng}) / 24 \text{ ngày} \times 149 \text{ ngày} = 12.416.617 \text{ đồng}$. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 24 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày}) \times 64 (10.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 5 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 816.438 \text{ đồng}$, Tổng số tiền H thu lợi bất chính là: 11.600.179.000 đồng + 7.000.000 đồng = 18.600.179 đồng.

2. Chị Võ Thị H, sinh năm 1975, trú tại TP. Đ, từ đầu tháng 4/2020 đến tháng 10/2020 đã vay Nguyễn Văn H 08 gói, trong đó 05 gói vay với số tiền mỗi gói 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Phí dịch vụ mỗi gói 500.000 đồng và 03 gói với số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Phí dịch vụ mỗi gói 1.000.000 đồng. Chị H đã thanh toán 08 gói (gói thứ 8 chưa trả 18 ngày, trong đó tiền gốc chưa trả là 7.500.006 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 57.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 47.499.978 đồng, tiền lãi là 9.500.022 đồng. Tổng tiền phí dịch vụ H thu là 5.500.000 đồng Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 624.658 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 8.875.364 đồng + 5.500.000 đồng = 14.375.364 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1970, trú tại TP. Đ, từ cuối tháng 5/2020 đến tháng 01/2021 đã vay Nguyễn Văn H 06 gói, số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tổng phí dịch vụ H thu 6.000.000 đồng (mỗi gói 1.000.000 đồng). Chị M đã thanh toán 06 gói (gói thứ 6 chưa trả 20 ngày, trong đó tiền gốc chưa trả là 8.000.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 65.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng, tiền lãi là 13.000.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 712.329 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 12.287.671 đồng + 6.000.000 đồng = 18.287.671 đồng.

4. Chị Đào Thị M, sinh năm 1965, trú tại tp. Đ, từ tháng 6/2020 đến tháng 10/2020 đã vay Nguyễn Văn H 07 gói, với số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng, mỗi

ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tổng phí dịch vụ H thu 7.000.000 đồng (mỗi gói 1.000.000 đồng). Chị M đã thanh Toán.

5. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1966, trú tại tp. Đ, từ tháng 4/2020 đến tháng 8/2020 đã vay Nguyễn Văn H 05 gói, với số tiền mỗi gói 8.000.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tổng phí dịch vụ H thu 4.000.000 đồng (mỗi gói 800.000 đồng). Chị M đã thanh toán 05 gói (gói thứ 5 chưa trả 1.900.000 đồng, trong đó tiền gốc chưa trả là 1.520.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 48.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 38.480.000 đồng, tiền lãi là 9.620.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 527.123 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 9.092.877 đồng + 4.000.000 đồng = 13.092.877 đồng.

6. Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1992, trú tại tp. Đ, vào khoảng tháng 02/2020 đã vay Nguyễn Văn H 01 gói, với số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 305%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Phí dịch vụ H thu 1.000.000 đồng. Chị N đã thanh toán 22 ngày (chưa trả 03 ngày trong đó tiền gốc chưa trả là 1.200.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 11.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.800.000 đồng, tiền lãi là 2.200.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 120.548 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 2.079.452 + 1.000.000 đồng = 3.079.452 đồng.

7. Chị Nguyễn Thị Dôi A, sinh năm 1983, trú tại tp. Đ, từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020 đã vay Nguyễn Văn H 03 gói, gói thứ nhất và gói thứ hai số tiền mỗi gói 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ mỗi gói 500.000 đồng; Gói thứ ba số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày, tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ 1.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Dôi A đã thanh toán 03 gói với số tiền cả gốc và lãi là 24.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 4.000.000 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu 2.000.000 đồng, tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 263.014 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 3.736.986 đồng + 2.000.000 đồng = 5.736.986 đồng.

8. Chị Trương Thị Thúy K, sinh năm 1972, trú tại tp. Đ, từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020 đã vay Nguyễn Văn H 04 gói, có 02 gói vay với số tiền mỗi gói 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự, phí dịch vụ mỗi gói là 500.000 đồng và 02 gói với số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng,

mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ mỗi gói 1.000.000 đồng. Chị K đã thanh toán 04 gói với số tiền cả gốc và lãi là 36.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu 3.000.000 đồng; tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 394.521 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 5.605.479 đồng + 3.000.000 đồng = 8.605.479 đồng.

9. Chị Hoàng Thị L H, sinh năm 1972, trú tại tp. Đ, từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 đã vay Nguyễn Văn H 03 gói, với số tiền mỗi gói là 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Phí dịch vụ H thu 3.000.000 đồng. Chị H đã thanh toán 3 gói (gói thứ 3 chưa trả là 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc chưa trả là 800.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 36.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 29.200.000 đồng, tiền lãi là 7.300.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 400.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 6.900.000 đồng + 3.000.000 đồng = 9.900.000 đồng.

10. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1975, Trú tại tp. Đồng Hới, từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020 đã vay Nguyễn Văn H 03 gói, với số Tiền mỗi gói 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tổng phí dịch vụ H thu 1.500.000 đồng. Chị L đã thanh toán 03 gói (gói thứ 3 chưa trả 8 ngày, trong đó tiền gốc chưa trả là 1.666.664 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 16.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 13.333.312 đồng, tiền lãi là 2.666.688 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 175.342 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 2.491.324 đồng + 1.500.000 đồng = 3.991.324 đồng.

11. Chị Võ Thị L, sinh năm 1965, trú tp. Đ, từ tháng 4/2020 đến tháng 7/2020 đã vay Nguyễn Văn H 03 gói, với số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tổng phí dịch vụ H thu 2.100.000 đồng. Chị L đã thanh toán 03 gói với số tiền cả gốc và lãi là 36.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 394.521 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 5.605.479 đồng + 2.100.000 đồng = 7.705.479 đồng.

12. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, trú tại tp. Đ, vào khoảng tháng 4/2020 đã vay Nguyễn Văn H 01 gói, với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu 500.000 đồng. Chị T đã thanh toán được 17 ngày (chưa trả 8 ngày, trong đó tiền gốc là 1.600.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 4.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là

3.400.000 đồng, tiền lãi là 850.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 46.575 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 803.425 đồng + 500.000 đồng = 1.303.425 đồng.

13. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1965, trú tại huyện L, từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2020 đã vay Nguyễn Văn H 02 gói, gói thứ nhất 4.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ 400.000 đồng; Gói thứ hai số tiền 6.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự, phí dịch vụ 600.000 đồng. Chị D đã thanh toán 02 gói (gói thứ 2 chưa trả 5.200.000 đồng, trong đó tiền gốc chưa trả là 4.160.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 7.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.840.000 đồng, tiền lãi là 1.460.000 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu 1.000.000 đồng; Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 80.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 1.380.000 đồng + 1.000.000 đồng = 2.380.000 đồng.

14. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1977, trú tại huyện L, từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2020 đã vay Nguyễn Văn H 02 gói, gói thứ nhất 3.000.000đ, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu 300.000 đồng; Gói thứ hai 5.000.000đ, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu 500.000 đồng. Chị L đã thanh toán 02 gói (gói thứ 2 chưa trả 6 ngày, trong đó tiền gốc chưa trả là 1.200.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 8.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 6.800.000 đồng, tiền lãi là 1.700.000 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu là 800.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 93.151 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 1.606.849 đồng + 800.000 đồng = 2.406.849 đồng.

15. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1978, trú tại huyện B, vào khoảng tháng 4/2020 đã vay Nguyễn Văn H 02 gói, gói thứ nhất 5.000.000đ, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu 500.000 đồng; Gói thứ hai 3.000.000đ, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu 300.000 đồng. Chị N đã thanh toán 02 gói (gói thứ 2 chưa trả 800.000 đồng, trong đó tiền gốc chưa trả là 666.400 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 8.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 7.333.32500.000 đồng, tiền lãi là 1.466.675 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu là 800.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 96.438 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 1.370.237 đồng + 800.000 đồng = 2.170.237 đồng.

16. Chị Lê Thị H, sinh năm 1970, trú tại huyện B, từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2020 đã vay Nguyễn Văn H 14 gói, trong đó có 03 gói vay với số tiền mỗi gói 5.000.000đ, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu mỗi gói 500.000 đồng; vay 11 gói với số tiền mỗi gói 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu 1.000.000 đồng. Chị H đã thanh toán đủ 14 gói với số tiền cả gốc và lãi là 150.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 125.000.000 đồng, tiền lãi là 24.999.936 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu là 12.500.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 1.643.836 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 23.356.100 đồng + 12.500.000 đồng = 35.856.100 đồng.

17. Chị Lương Thị X, sinh năm 1958, trú tại huyện B, vào khoảng đầu năm 2020 đã vay Nguyễn Văn H 03 gói, với số tiền mỗi gói: 10.000.000.đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, trong vòng 32 ngày tương ứng với lãi suất 319%/năm, cao gấp 15,95 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, tổng phí dịch vụ H thu 3.000.000 đồng. Chị X đã thanh toán đủ 03 gói với số tiền cả gốc và lãi là 38.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 8.400.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 526.027 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 7.873.973 đồng 43.000.000 đồng = 10.873.973 đồng.

18. Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1982, trú tại huyện B, từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2020 đã vay Nguyễn Văn H 05 gói, trong đó có 03 gói vay với số tiền mỗi gói 10.000.000đ, mỗi ngày góp 500.000 đồng, trong vòng 24 ngày tương ứng với lãi suất 304%/năm, cao gấp 15,2 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu mỗi gói 1.000.000 đồng; Vay 02 gói với số tiền mỗi gói 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trong vòng 25 ngày tương ứng với lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, phí dịch vụ H thu mỗi gói 500.000 đồng. Chị Đ đã thanh toán 05 gói (gói thứ 5 chưa trả 9 ngày, trong đó tiền gốc chưa trả là 1.800.000 đồng) với số tiền cả gốc và lãi là 46.250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 38.200.024 đồng, tiền lãi là 8.049.976 đồng. Tổng phí dịch vụ H thu là 4.000.000 đồng. Tiền lãi H được hưởng theo quy định (20%) là: 506.849 đồng; tiền thu lợi bất chính là: 7.543.127 đồng + 4.000.000 đồng = 2.543.127 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H khai nhận khoảng 5/2019 H làm cho vay lãi suất cao cho một nam thanh niên tên H1 trú tại thành phố H1 Nội đến khoảng tháng 02/2020 H chuyển sang làm cho vay lãi suất cao cho một nam thanh niên tên H2 trú tại thành phố H1 Nội. Quá trình cho vay tiền, H khai được H2 cấp tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng để H đưa tiền cho người vay. Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê số tài khoản ngân hàng 0311000739397 và H

xác nhận có 08 giao dịch do H2 chuyển tiền đến Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình có Công văn phúc đáp xác nhận không kiểm tra được kênh chuyển tiền và từ ngân hàng nào, không cung cấp được thông tin tài khoản đối ứng. Hiện nay H không biết H1 và H2 làm gì, ở đâu; chưa xác định được thông tin nhân thân, địa chỉ cụ thể của các đối tượng H1 và H2 nên chưa đủ cơ sở để xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Nguyễn Văn H khai nhận có cho Nguyễn Thị C, sinh năm 1973, trú tại, thành phố Đ; Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, trú tại huyện Q; Hoàng Thị T, sinh năm 1965, trú tại huyện L và Trương Thị B, sinh năm 1973, trú tại thành phố Đ vay tiền. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi đến các cơ quan hữu quan thông báo tìm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời tiến hành triệu tập, xác minh nhưng những người này hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ, vì vậy không xác định được số tiền vay, số gói vay theo lời khai của Nguyễn Văn H nên chưa đủ cơ sở xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ số vật chứng sau:

- 04 (một) sổ bì cứng giả da màu đen. Mặt ngoài sổ có chữ: Business màu vàng, có 03 trang giấy có chữ viết;
- 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V, số thẻ: 9704366815911255013 mang tên: Nguyễn Văn H;
- 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng M, số thẻ 4089041052286911 mang tên Nguyễn Văn H;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng có số IMEI (thứ 2) 356341109448520, có gắn sim so 0565454444;
- 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen. Model: TAI010, có số IMEI: 357678106485677, có gắn sim số 0773376747;
- 02 (hai) tờ tài liệu liên quan đến việc cho vay tiền của Nguyễn Văn H được đánh số từ 1 đến 2;
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 480.000 đồng.

Với hành vi được xác định như trên;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án; nhưng được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 06/4/2021;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 29/10/2021, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức hình phạt 01 năm tù mà Bản án sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là quá nặng; bố, mẹ bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, anh trai bị tai nạn lao động, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối bị cáo Nguyễn Văn H.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo của bị cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bị cáo Nguyễn Văn H được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]. Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 01/2021, tại các địa phương thuộc tỉnh Quảng Bình, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi cho 18 người vay với 79 gói vay, số tiền 656.000.000 đồng, mức lãi vay 304%/năm đến 365%/ năm, cao gấp 15,2 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để thu lợi bất chính số tiền 192.315.393 đồng. Với hành vi như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H thì thấy: Bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi cho 18 người vay với 79 gói vay, số tiền 656.000.000 đồng, mức lãi vay 304%/năm đến 365%/ năm, cao gấp 15,2 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để thu lợi bất chính số tiền 192.315.393 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng,

xâm phạm lợi ích của công dân. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 192.315.393 đồng nên Bị cáo bị truy tố và xét xử theo tình tiết định khung được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo nêu ra thì đã được Bản án sơ thẩm xem xét, áp dụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các Quyết định về: Hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn H 01 (một)** năm tù về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian từ ngày 08/01/2021 đến hết ngày 06/4/2021.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định về: Hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình (02 bản để làm thi hành án);
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- Công an thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã N Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (thay cho thông báo bằng văn bản);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, p.HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến